

# **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VỀ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG TRUYỀN THÔNG ĐỐI VỚI CÁC QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN TRÊN ĐỊA BÀN TP.HCM**

## **I. CHỈ ĐẠO TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI HỆ THỐNG QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN:**

### **1. Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ:<sup>1</sup>**

#### **1.1. Giai đoạn 2011 – 2015 và 2016 – 2020:**

Với việc triển khai quyết liệt các giải pháp cơ cấu lại theo Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 và Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020” ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ, hệ thống Quỹ Tín dụng nhân dân (QTDND) đã liên tục được củng cố, phát triển theo định hướng, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển loại hình tổ chức tín dụng (TCTD) là hợp tác xã, góp phần tạo nguồn vốn phục vụ thành viên phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao đời sống, tạo công ăn việc làm và góp phần xóa đói, giảm nghèo, hạn chế tình trạng cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn.

Tuy nhiên, vẫn còn một số QTDND thời gian qua hoạt động yếu kém, có biểu hiện xa rời tôn chỉ và mục đích hoạt động, vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến ổn định chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn và an toàn hoạt động của QTDND. Hành lang pháp lý cho hoạt động của QTDND còn thiếu và chưa đồng bộ; ở một số nơi, chính quyền địa phương các cấp còn thiếu sự quan tâm phối hợp trong công tác quản lý nhà nước, xử lý kịp thời sai phạm.

#### **1.2. Giai đoạn 2021 – 2025:**

Để khắc phục tình trạng trên, đảm bảo cho hệ thống QTDND hoạt động ổn định, an toàn và phát triển bền vững, đúng mục tiêu, tôn chỉ, đúng tính chất, đúng nguyên tắc của loại hình TCTD hợp tác; tiếp nối thành công trong việc triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 - 2015” ban hành kèm theo Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2012 và Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 - 2020” ban hành kèm theo Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2017, Thủ tướng Chính phủ đã yêu cầu các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, đơn vị liên quan tập trung thực hiện các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025” ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08 tháng 06 năm 2022.

### **2. Chỉ đạo của NHNN VN về củng cố hoạt động tổ chức tín dụng là hợp tác xã, xử lý quỹ tín dụng nhân dân yếu kém và tăng cường quản lý, giám sát tổ chức tín dụng tài chính vi mô:<sup>2</sup>**

<sup>1</sup> Chỉ thị 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ chỉ thị về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống quỹ tín dụng nhân dân

<sup>2</sup> Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2023

Thực hiện Nghị quyết số 68/2022/QH15 ngày 10/11/2022 của Quốc Hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 (Nghị quyết 01) Thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 17/01/2023 về tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng trong năm 2023 (Chỉ thị 01). Theo đó, Thống đốc yêu cầu NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố “tăng cường quản lý hoạt động QTDND trên địa bàn”.

**3. Công tác chỉ đạo triển khai phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu (gọi tắt là phương án cơ cấu lại) của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đối với các QTDND trên địa bàn:**

- Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh đã có công văn số 2123/HCM-TTr3 ngày 02/8/2022 triển khai chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN VN) tại công văn số 5117/NHNN-TTGSNH ngày 25/7/2022 về phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025 của QTDND đến các QTDND trên địa bàn. Đồng thời yêu cầu các QTDND thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ tại Quyết định 689/QĐ-TTg và các văn bản chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước trong việc triển khai thực hiện Quyết định trên; khẩn trương chỉ đạo các khối/phòng/ban chuyên môn rà soát, nghiên cứu để chuẩn bị tốt nhất cho quá trình xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 – 2025. Theo báo cáo, 18/19 QTDND (không bao gồm QTDND Nhà Bè) đã và đang rà soát, chuẩn bị việc xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025.

- Ngày 02/8/2022, NHNN Việt Nam ban hành Quyết định số 1382/QĐ-NHNN về Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án “Cơ cấu lại hệ thống tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”. Trong đó, đính kèm phụ lục kế hoạch hành động ngành ngân hàng triển khai thực hiện Quyết định 689/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025” nêu cụ thể nội dung từng nhiệm vụ, đơn vị chủ trì thực hiện, đơn vị phối hợp thực hiện và thời gian thực hiện.

- Ngày 19/01/2023, NHNN Việt Nam đã có văn bản 388/NHNN-TTGSNH yêu cầu NHNN CN tỉnh, thành phố chỉ đạo, hướng dẫn các QTDND trên địa bàn xây dựng Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2021 – 2025. Thực hiện chỉ đạo nêu trên, NHNN CN TP.HCM đã có văn bản chỉ đạo cụ thể đến 18/19 QTDND trên địa bàn xây dựng Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2021 – 2025, thực hiện phê duyệt/trình các cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định. Hiện nay, các QTDND trên địa bàn đang triển khai thực hiện quyết liệt nội dung này.

## **II. TỔNG QUAN VỀ QUỸ TÍN DỤNG NHÂN DÂN:**

### **1. Thông tư quy định về QTDND:**

Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về quỹ tín dụng nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2015.

Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05 tháng 7 năm 2017 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-NHNN ngày 23/01/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân và Thông tư số 04/2015/TT-NHNN ngày 31/3/2015 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về quỹ tín dụng nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2017.

Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận những thay đổi, danh sách dự kiến bầu, bổ nhiệm nhân sự của tổ chức tín dụng là hợp tác xã, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2018.

Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020.

Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/06/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Đề án Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”.

Văn bản số 388/NHNN-TTGSNH ngày 19/01/2023 của Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn xây dựng Phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu của QTDND giai đoạn 2021 – 2025.

## **2. Khái niệm quỹ tín dụng nhân dân:<sup>3</sup>**

Theo Tổ chức Hiệp hội các Liên hiệp tín dụng thế giới (WOCCU), “*Quỹ tín dụng - được gọi dưới nhiều tên gọi khác nhau tại các nước trên thế giới - là các hợp tác xã tài chính được sở hữu bởi chính khách hàng của mình, nhằm cung cấp các dịch vụ tiết kiệm, tín dụng và các dịch vụ tài chính khác cho thành viên. Thành viên của các quỹ tín dụng có mối liên kết chung với nhau, dựa trên các mối quan hệ chung về cộng đồng, nghề nghiệp, tổ chức hoặc tín ngưỡng*”.

Theo Khoản 6 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010 quy định: “*Quỹ tín dụng nhân dân là tổ chức tín dụng do các pháp nhân, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập dưới hình thức hợp tác xã để thực hiện một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Luật này và Luật hợp tác xã nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống*”.

Theo Khoản 1 Điều 3 Luật hợp tác xã năm 2012 thì: “*Hợp tác xã là tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 7 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lý hợp tác xã*”.

Như vậy, QTDND do các tổ chức, cá nhân và hộ gia đình tự nguyện thành lập để hoạt động ngân hàng nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ nhau phát triển sản xuất, kinh doanh và đời sống, đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

<sup>3</sup> Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017

### **3. Tính chất và mục tiêu hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân:<sup>4</sup>**

Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động, nhằm mục tiêu chủ yếu là tương trợ giữa các thành viên thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống.

### **4. Địa bàn và quy mô hoạt động:<sup>5</sup>**

1. Quỹ tín dụng nhân dân hoạt động trong địa bàn một xã, một phường, một thị trấn (sau đây gọi chung là xã).

2. Địa bàn hoạt động liên xã của quỹ tín dụng nhân dân phải là các xã liền kề với xã nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính thuộc phạm vi trong cùng một quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

3. Quỹ tín dụng nhân dân có thể được xem xét chấp thuận hoạt động trên địa bàn liên xã theo quy định tại khoản 2 Điều này nếu đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Có tối thiểu 300 thành viên tại thời điểm đề nghị;
- b) Có vốn điều lệ tối thiểu gấp 05 lần mức vốn pháp định tại thời điểm đề nghị;
- c) Kinh doanh có lãi trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;
- d) Có cơ cấu tổ chức, bộ máy quản trị, điều hành, kiểm toán nội bộ, hệ thống kiểm soát nội bộ theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Thông tư này;
- đ) Không vi phạm quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của Ngân hàng Nhà nước trong 12 tháng liên tiếp trước thời điểm đề nghị;
- e) Thực hiện phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước trong năm trước thời điểm đề nghị;
- g) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3% trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị;
- h) Có tài liệu chứng minh khả năng liên kết cộng đồng tại địa bàn xã liền kề trên cơ sở có sự liên kết về chung lợi ích cộng đồng, điều kiện địa lý, văn hóa, tập quán địa phương, vùng, miền, ngành nghề, các đặc thù khác trên địa bàn;
- i) Không thuộc diện quỹ tín dụng nhân dân yếu kém phải thực hiện cơ cấu lại theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
- k) Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân trong 02 năm liên tiếp trước năm đề nghị.

### **6. Vốn điều lệ, vốn góp và thành viên góp vốn Quỹ tín dụng nhân dân:**

#### **6.1. Vốn điều lệ:<sup>6</sup>**

<sup>4</sup> Điều 5 và Điều 6 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

<sup>5</sup> Điều 8 Thông tư 04/2015/NHNN có sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2019/TT-NHNN

- Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân là tổng số vốn do các thành viên góp và được ghi vào Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân, hạch toán bằng đồng Việt Nam. Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được bổ sung từ các nguồn sau đây:

- a) Vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung;
- b) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;
- c) Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

- Việc thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về những thay đổi phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

- Thành viên không được dùng vốn ủy thác, vốn vay dưới bất cứ hình thức nào để góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân và phải cam kết, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của nguồn vốn góp.

- Pháp nhân góp vốn vào quỹ tín dụng nhân dân phải tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật về góp vốn.

### **6.2. Hình thức góp vốn điều lệ:<sup>7</sup>**

- Vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân được góp bằng đồng Việt Nam, tài sản khác là tài sản cần thiết phục vụ trực tiếp cho hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân.

- Trường hợp vốn góp bằng tài sản khác phải là tài sản có giấy tờ hợp pháp chứng minh quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng. Việc định giá, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản góp vốn được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **6.3. Góp vốn của thành viên:<sup>8</sup>**

(i) Vốn góp của thành viên bao gồm vốn góp xác lập tư cách thành viên và vốn góp bổ sung:

- Mức vốn góp xác lập tư cách thành viên được quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân, tối thiểu là 300.000 đồng;

- Mức vốn góp bổ sung của thành viên quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy định tại Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

(ii) Tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên quỹ tín dụng nhân dân không được vượt quá 10% vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

(iii) Đại hội thành viên của quỹ tín dụng nhân dân quyết định cụ thể mức vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, phương thức nộp, tổng mức vốn góp tối đa của một thành viên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều này.

(iv) Hằng năm, căn cứ số vốn thực góp của cá nhân, pháp nhân, hộ gia đình để trở thành thành viên theo quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện:

<sup>6</sup> Điều 26 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

<sup>7</sup> Điều 27 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

<sup>8</sup> Điều 28 Thông tư 04/2015/TT-NHNN được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

- Hội đồng quản trị thẩm định điều kiện, lập danh sách thành viên xin tham gia và báo cáo Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 80 Luật các tổ chức tín dụng;

- Phát hành Thẻ thành viên theo mẫu do ngân hàng hợp tác xã hướng dẫn thống nhất trên toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân cho thành viên mới sau khi được Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới;

- Phát hành Sổ vốn góp do quỹ tín dụng nhân dân in ấn theo mẫu tại Phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư này cho thành viên mới sau khi Đại hội thành viên thông qua danh sách kết nạp thành viên mới.

(v) Việc ghi nhận vốn góp của thành viên mới và vốn góp bổ sung của thành viên quỹ tín dụng nhân dân vào vốn điều lệ được thực hiện theo hướng dẫn về hạch toán, kế toán tại thời điểm như sau:

- Việc góp vốn của thành viên mới, góp vốn bổ sung của thành viên trong trường hợp mức vốn điều lệ không có sự thay đổi: thực hiện sau khi Đại hội thành viên có nghị quyết thông qua danh sách kết nạp thành viên mới.

- Việc góp vốn của thành viên mới, góp vốn bổ sung của thành viên trong trường hợp mức vốn điều lệ giảm: sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh có văn bản chấp thuận giảm mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

- Việc góp vốn của thành viên mới, góp vốn bổ sung của thành viên trong trường hợp mức vốn điều lệ tăng: thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chi nhánh ra quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép đối với mức vốn điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.

(vi) Quỹ tín dụng nhân dân phải mở sổ theo dõi vốn góp xác lập tư cách thành viên, vốn góp bổ sung, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng vốn góp.

#### **6.4. Việc chia lãi cho thành viên:<sup>9</sup>**

Thành viên của quỹ tín dụng nhân dân được chia lãi căn cứ vào tổng mức vốn góp, mức độ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của thành viên tại quỹ tín dụng nhân dân và do Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **6.5. Quyền và nghĩa vụ của thành viên:<sup>10</sup>**

Quyền và nghĩa vụ của thành viên được quy định tại Điều 78 Điều 79 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017, cụ thể:

##### **“Điều 78. Quyền của thành viên**

1. Tham dự Đại hội thành viên hoặc bầu đại biểu dự Đại hội thành viên, tham dự các cuộc họp thành viên và biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên.

2. Ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các chức danh được bầu khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

<sup>9</sup> Điều 29 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

<sup>10</sup> Điều 78 Điều 79 Luật các tổ chức tín dụng

3. Được gửi tiền, vay vốn, chia lãi theo vốn góp và mức độ sử dụng dịch vụ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

4. Được hưởng các phúc lợi xã hội chung của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

5. Được cung cấp các thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

6. Kiến nghị những vấn đề liên quan đến hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và yêu cầu được trả lời; yêu cầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập Đại hội thành viên bất thường để giải quyết những vấn đề cấp thiết.

7. Chuyển nhượng vốn góp và các quyền lợi, nghĩa vụ của mình cho người khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

8. Xin ra khỏi ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

9. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

#### **Điều 79. Nghĩa vụ của thành viên**

1. Thực hiện Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và các nghị quyết của Đại hội thành viên.

2. Góp vốn theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Hợp tác, tương trợ giữa các thành viên, góp phần xây dựng và thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.

4. Cùng chịu trách nhiệm về các khoản rủi ro, thua lỗ trong hoạt động của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi vốn góp của mình.

5. Hoàn trả vốn và lãi tiền vay của ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân theo cam kết.

6. Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.”

#### **6.6. Đại hội thành viên, số lượng, biểu quyết<sup>11</sup>:**

##### **Điều 34. Đại hội thành viên**

1. Thực hiện theo quy định tại Điều 80 Luật các tổ chức tín dụng.

2. Đại hội thành viên phải họp mỗi năm một lần trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, do Hội đồng quản trị triệu tập.

3. Đại hội thành viên bất thường họp trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị triệu tập nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của quỹ tín dụng nhân dân;

<sup>11</sup> Điều 34 Điều 35 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Thông tư này;

c) Trưởng Ban kiểm soát, kiểm soát viên chuyên trách triệu tập theo quy định tại khoản 6 Điều 84 Luật các tổ chức tín dụng;

d) Ít nhất một phần ba tổng số thành viên quỹ tín dụng nhân dân cùng có văn bản yêu cầu triệu tập Đại hội thành viên.

Trường hợp tổ chức Đại hội thành viên bất thường theo yêu cầu của ít nhất một phần ba tổng số thành viên quỹ tín dụng nhân dân, Hội đồng quản trị phải tiến hành họp Đại hội thành viên bất thường trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu. Quá thời hạn nêu trên, nhóm thành viên cùng có văn bản yêu cầu triệu tập Đại hội thành viên bất thường có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân tiến hành Đại hội thành viên bất thường;

đ) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh yêu cầu triệu tập trong trường hợp xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân;

e) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân.

**Điều 35. Quy định về số lượng thành viên và biểu quyết trong Đại hội thành viên**

1. Đại hội thành viên quỹ tín dụng nhân dân có thể tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên (gọi chung là Đại hội thành viên). Đại hội toàn thể thành viên hoặc Đại hội đại biểu thành viên có nhiệm vụ và quyền hạn như nhau.

2. Quỹ tín dụng nhân dân có trên 100 thành viên có thể tổ chức Đại hội đại biểu thành viên.

3. Tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu thành viên do Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân quy định. Việc bầu đại biểu thành viên tham dự Đại hội thành viên phải dựa trên nguyên tắc dân chủ, bình đẳng giữa các thành viên. Đại biểu thành viên được bầu không được ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội.

4. Số lượng đại biểu bầu tham dự đại hội đại biểu thành viên do Điều lệ quỹ tín dụng nhân dân quy định nhưng phải đảm bảo:

a) Không được ít hơn 30% tổng số thành viên đối với quỹ tín dụng nhân dân có từ trên 100 đến 300 thành viên;

b) Không được ít hơn 20% tổng số thành viên đối với quỹ tín dụng nhân dân có từ trên 300 đến 1.000 thành viên;

c) Không được ít hơn 200 đại biểu đối với quỹ tín dụng nhân dân có từ trên 1.000 thành viên.

5. Đại hội thành viên được coi là hợp lệ khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên dự họp:

6. Trường hợp số lượng thành viên, đại biểu thành viên tham dự không đủ theo quy định tại khoản 5 Điều này thì Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát (đối với trường hợp tổ chức Đại hội thành viên bất thường theo triệu tập của



Ban kiểm soát) phải tạm hoãn Đại hội thành viên và triệu tập lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày tạm hoãn Đại hội thành viên (đối với Đại hội thành viên thường niên, thời hạn tạm hoãn và triệu tập lại không được vượt quá thời hạn tổ chức Đại hội thành viên quy định tại khoản 2 Điều 34 Thông tư này).

7. Việc quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản quỹ tín dụng nhân dân chỉ được thông qua tại Đại hội thành viên khi có ít nhất ba phần tư tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên có mặt tại Đại hội thành viên biểu quyết tán thành.

8. Các quyết định về những vấn đề khác chỉ được thông qua tại Đại hội thành viên khi có trên một phần hai tổng số thành viên hoặc đại biểu thành viên có mặt tại Đại hội thành viên biểu quyết tán thành.

9. Mỗi thành viên hoặc đại biểu dự họp Đại hội thành viên có một phiếu biểu quyết. Phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau, không phụ thuộc vào số vốn góp hay chức vụ của thành viên hoặc đại biểu thành viên.

## **7. Hoạt động của Quỹ tín dụng nhân dân:**

### **7.1. Huy động vốn:<sup>12</sup>**

(i) Nhận tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm của thành viên, tổ chức, cá nhân khác bằng đồng Việt Nam.

(ii) Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động trên một xã tối thiểu bằng 50% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân.<sup>13</sup>

Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có địa bàn hoạt động liên xã tối thiểu bằng 60% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân.

Tổng mức nhận tiền gửi từ thành viên của quỹ tín dụng nhân dân có tổng tài sản 500 tỷ đồng trở lên tối thiểu bằng 70% tổng mức nhận tiền gửi của quỹ tín dụng nhân dân.

(iii) Vay vốn điều hòa theo quy chế do Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam ban hành theo quy định của pháp luật.

(iv) Vay vốn của tổ chức tín dụng khác (trừ quỹ tín dụng nhân dân khác), tổ chức tài chính khác.

(v) Vay vốn từ Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

(vi) Tiếp nhận vốn ủy thác cho vay của Chính phủ, tổ chức, cá nhân trong nước.

### **7.2. Hoạt động cho vay:<sup>14</sup>**

(i) Hoạt động cho vay của quỹ tín dụng nhân dân chủ yếu nhằm mục đích tương trợ giữa các thành viên để thực hiện có hiệu quả các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ và cải thiện đời sống của các thành viên quỹ tín dụng nhân dân.

<sup>12</sup> Điều 36 Thông tư 04/2015/TT-NHNN

<sup>13</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 19 Điều 2 của Thông tư số 21/2019/TT-NHNN

<sup>14</sup> Điều này được sửa đổi theo quy định tại Khoản 21 Điều 2 của Thông tư số 21/2019/TT-NHNN.

(ii) Quỹ tín dụng nhân dân cho vay bằng đồng Việt Nam theo quy định của pháp luật về việc cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Quỹ tín dụng nhân dân không được cho vay bảo đảm bằng Số góp vốn của thành viên.

(iii) Quỹ tín dụng nhân dân cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân không phải là thành viên, có tiền gửi tại quỹ tín dụng nhân dân trên cơ sở bảo đảm bằng số tiền gửi do chính quỹ tín dụng nhân dân phát hành.

(iv) Quỹ tín dụng nhân dân cho vay thành viên của hộ nghèo có đăng ký thường trú trên địa bàn hoạt động của quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp hộ nghèo không phải là thành viên của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp nhiều thành viên của hộ nghèo cùng vay vốn thì các thành viên của hộ nghèo cùng ký hoặc ủy quyền cho một thành viên của hộ nghèo đại diện ký thỏa thuận cho vay với quỹ tín dụng nhân dân. Hộ nghèo phải được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. Quy trình, thủ tục, hồ sơ cho vay các thành viên hộ nghèo thực hiện theo chế độ tín dụng hiện hành áp dụng đối với thành viên.

(v) Cùng với ngân hàng hợp tác xã cho vay hợp vốn đối với thành viên của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật.

### 7.3. Hoạt động khác:<sup>15</sup>

- Mở tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước.
- Mở tài khoản thanh toán tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.
- Gửi tiền tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam để điều hòa vốn; mở tài khoản thanh toán để sử dụng dịch vụ thanh toán tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.
- Cung ứng dịch vụ chuyển tiền, thực hiện các nghiệp vụ thu hộ, chi hộ cho các thành viên.
- Cung ứng dịch vụ tư vấn về ngân hàng, tài chính cho các thành viên.
- Nhận ủy thác và làm đại lý một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, quản lý tài sản theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Làm đại lý kinh doanh bảo hiểm.
- Tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

<sup>15</sup> Điều 39 Thông tư 04/2015/TT-NHNN